

KẾ HOẠCH

Về việc phát triển nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 về việc ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030; số 911/QĐ-TTg ngày 29/7/2022 về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 125/QĐ-BNN-TCTS ngày 04/01/2023 về việc ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 29/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản giai đoạn 2021-2030; số 460/QĐ-BNN-TCTS ngày 07/02/2023 về việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện “Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030”;

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2170/TTr-SNN ngày 23/6/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nuôi trồng thủy sản hiệu quả, bền vững, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nuôi trồng thủy sản; đáp ứng được các yêu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh, hướng tới xuất khẩu.

Kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm trong hoạt động thủy sản; phòng ngừa, giải quyết các sự cố môi trường; bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong hoạt động thủy sản; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ngành thủy sản.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về phát triển nuôi trồng thủy sản

- Đến năm 2030, tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đạt 25 nghìn tấn/năm, tốc độ tăng trưởng giá trị nuôi trồng thủy sản đạt trung bình 4%/năm.

- Chủ động sản xuất, cung ứng đủ con giống các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, đáp ứng đủ nhu cầu con giống cho người chăn nuôi trong và ngoài tỉnh.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu cho các vùng nuôi trồng và vùng sản xuất giống thủy sản.

- Xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, đảm bảo đầu ra, nâng cao giá trị của các sản phẩm thủy sản.

2.2. Về bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản

- Nguồn ô nhiễm, chất thải từ các hoạt động thủy sản được điều tra, đánh giá, quản lý và kiểm soát; chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học.

- Xử lý các vấn đề môi trường trong hoạt động thủy sản, tăng cường năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường trong ngành thủy sản. Nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh giảm nhẹ phát thải nhà kính.

- Hoạt động quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành thủy sản được triển khai hiệu quả; cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường thủy sản được xây dựng và tích hợp vào cơ sở dữ liệu môi trường của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quốc gia.

- Hoạt động bảo tồn, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; bảo vệ môi trường sống các loài thủy sinh được triển khai hiệu quả, góp phần ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học.

- Mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong chuỗi giá trị thủy sản được nghiên cứu, áp dụng và từng bước được nhân rộng.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phát triển nuôi trồng thủy sản

1.1. Phát triển sản xuất giống thủy sản

- Thu hút các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu, sản xuất và phát triển giống thủy sản, đáp ứng nhu cầu thực tiễn sản xuất; khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân xây dựng, áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học, các tiêu chuẩn chất lượng trong sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

- Đối với các loài thủy sản đã chủ động sản xuất giống nhân tạo: Áp dụng các giải pháp kỹ thuật mới, chuyên giao công nghệ mới trong sản xuất ương dưỡng, chọn tạo giống (giống mới, đơn tính, con lai, đa bội...) để nâng cao chất lượng con giống; đối với các loài thủy sản chưa chủ động sản xuất giống nhân tạo: Kiểm soát chặt chẽ số lượng, chất lượng giống từ nguồn nhập khẩu và khai thác tự nhiên. Chủ động nghiên cứu, tiếp nhận và áp dụng công nghệ vào sản xuất, ương dưỡng giống.

1.2. Phát triển nuôi trồng thủy sản

- Tiếp tục phát triển các vùng nuôi tập trung trong các ao đầm; nuôi lồng bè trên sông, hồ chứa. Áp dụng công nghệ mới vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, kiểm soát chất lượng đầu vào, thực hiện tốt quy trình nuôi, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, tạo ra sản lượng hàng hóa lớn cung cấp cho thị trường.

- Tận dụng tối đa tiềm năng mặt nước sông, suối, hồ chứa, hồ thủy lợi, ruộng trũng... để phát triển nuôi trồng thủy sản, cung cấp thực phẩm, tạo sinh kế, góp phần giảm nghèo và tăng thu nhập cho người dân.

- Tập trung phát triển các loài thủy sản có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao, như:

+ Cá rô phi: Tiếp tục phát triển các vùng nuôi tập trung; ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, tạo ra khối lượng sản phẩm quy mô hàng hóa phục vụ nhu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh.

+ Cá nước lạnh: Tiếp tục mở rộng quy mô nuôi cá nước lạnh tại các địa phương có tiềm năng như: huyện Đại Từ, huyện Võ Nhai, huyện Định Hóa. Ứng dụng công nghệ mới, công nghệ xanh, công nghệ tuần hoàn vào sản xuất để tiết kiệm nguồn nước, bảo vệ môi trường, tạo ra sản lượng lớn, chất lượng cao cung cấp cho thị trường; đa dạng hóa sản phẩm từ cá nước lạnh để nâng cao giá trị sản phẩm.

+ Các loài giáp xác: Phát triển các mô hình nuôi tôm càng xanh chuyên canh, nuôi xen canh, luân canh (nuôi kết hợp tôm - lúa, tôm càng xanh trong ruộng vườn, nuôi ghép tôm càng xanh với các loài thủy sản nuôi khác). Phát triển các mô hình nuôi thâm canh, nuôi kết hợp đối với giáp xác khác. Áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm.

+ Các loài cá truyền thống, bản địa, thủy đặc sản: Phát triển nuôi thâm canh, bán thâm canh, nuôi hữu cơ các loài truyền thống góp phần giảm nghèo, tăng thu nhập tiến tới làm giàu từ nghề nuôi trồng thủy sản. Tổ chức lại các vùng nuôi thủy sản bản địa, thủy đặc sản, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất, để bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản.

1.3. Kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và các yêu cầu của thị trường nhập khẩu về chất lượng, an toàn thực phẩm trong các công đoạn sản xuất, thu hoạch, vận chuyển sản phẩm thủy sản.

- Xây dựng, phát triển các vùng nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm, thực hiện giám sát dư lượng hóa chất, thuốc kháng sinh; xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo quy định của pháp luật và yêu cầu thị trường.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định và xử lý vi phạm trong lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản.

1.4. Kiểm soát an toàn bệnh dịch và quan trắc môi trường

- Xây dựng, phát triển các cơ sở nuôi, vùng nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh, trong đó ưu tiên các đối tượng thủy sản nuôi có giá trị sản phẩm hàng hóa lớn.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào quan trắc, cảnh báo môi trường tại các vùng sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản tập trung; áp dụng công nghệ mới trên nền tảng số để đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và thông tin kịp thời kết quả quan trắc để người sản xuất chủ động, xử lý các sự cố về môi trường và dịch bệnh.

1.5. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng thiết yếu tại một số vùng sản xuất giống tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản tập trung để sản xuất theo hướng hàng hóa, hiệu quả và bền vững; ưu tiên đầu tư tại các vùng nuôi thủy sản có khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn làm cơ sở để lan tỏa, phát triển các vùng nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, hạn chế ô nhiễm môi trường, đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong tình hình mới.

1.6. Phát triển hệ thống sản xuất, cung ứng vật tư và công nghiệp hỗ trợ

- Phát triển sản xuất thức ăn thủy sản phù hợp với từng đối tượng nuôi, hình thức, điều kiện nuôi theo hướng giảm phụ thuộc vào bột cá; tăng tỷ lệ sử dụng nguồn nguyên liệu nội địa để giảm giá thành sản phẩm, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu và bảo vệ môi trường.

- Phát triển sản xuất sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có nguồn gốc từ các loại nguyên liệu thân thiện với môi trường, phù hợp với mỗi hình thức, đối tượng nuôi; sản phẩm thuốc thú y thủy sản có nguồn gốc từ các loại nguyên liệu thân thiện với môi trường, từng bước thay thế thuốc kháng sinh dùng trong nuôi trồng thủy sản.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư chuyển giao công nghệ, xây dựng các cơ sở sản xuất vật tư, thiết bị, sử dụng vật liệu mới, máy móc thiết bị theo hướng an toàn, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường để giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nuôi trồng thủy sản.

1.7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tổ chức sản xuất

- Phát triển nguồn nhân lực quản lý, nghiên cứu, hướng dẫn kỹ thuật; tổ chức đào tạo, tập huấn về sản xuất, công nghệ mới, thị trường, quyền lợi người lao động, quy định pháp lý có liên quan cho các lực lượng lao động tham gia sản xuất, thương mại thủy sản; định hướng, đào tạo, ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ,...), tiếp cận dữ liệu về khoa học kỹ thuật mới, tìm kiếm thị trường và quảng bá sản phẩm cho mỗi tổ chức, cá nhân tham gia nuôi trồng thủy sản.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nuôi trồng thủy sản; khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân tham gia và đầu tư vào đào tạo, tập huấn lực lượng lao động phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Tiếp tục phát triển, mở rộng các tổ hợp tác, hợp tác xã, tổ đồng quản lý, các mô hình liên doanh, liên kết giữa các tổ chức, cá nhân; phát triển các chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thủy sản; xây dựng, phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản kết hợp với hoạt động kinh tế khác như: Du lịch sinh thái, ẩm thực, giải trí, kinh tế tuần hoàn.

1.8. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ

- Sản xuất nhân tạo, chọn tạo các giống thủy sản mới, có tiềm năng phát triển; giống có khả năng thích nghi cao với điều kiện môi trường, tăng trưởng nhanh, kháng bệnh, sạch bệnh; phát triển công nghệ nuôi phù hợp, thân thiện môi trường, tiết kiệm nước, nhiên liệu, nguyên liệu, giảm sự phụ thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên; hạn chế dùng thuốc, hóa chất có nguy cơ ảnh hưởng tới môi trường, an toàn thực phẩm.

- Áp dụng các giải pháp công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm thủy sản; đẩy mạnh chuyển đổi sang ứng dụng công nghệ tự động hóa ở các khâu liên quan đến an toàn lao động và yêu cầu xử lý nhanh các tình huống như bảo quản sản phẩm, quan trắc, cảnh báo môi trường, truy xuất nguồn gốc.

2. Bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản

2.1. Nâng cao nhận thức, tư duy về bảo vệ môi trường

Nâng cao nhận thức, hướng dẫn kỹ thuật về chủ động phòng ngừa, kiểm soát nguồn thải trong các hoạt động thủy sản có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao; khuyến khích các doanh nghiệp, hộ sản xuất, kinh doanh thủy sản thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội về môi trường; truyền thông về bảo vệ môi trường trong các hoạt động thủy sản nói riêng, bảo vệ môi trường nói chung.

2.2. Chủ động phòng ngừa, quản lý, kiểm soát nguồn ô nhiễm, chất thải

- Điều tra, đánh giá tổng thể nguồn thải trong các hoạt động thủy sản (khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản, hệ thống cơ sở hạ tầng thủy sản).

- Chủ động trong giải quyết các vấn đề môi trường, các vấn đề phát sinh trong hoạt động thủy sản; thực hiện cải tạo, phục hồi các khu vực ô nhiễm do tác động từ hoạt động nuôi trồng thủy sản; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào quan trắc, cảnh báo môi trường thủy sản; triển khai thực hiện quan trắc môi trường thường niên tại các vùng nuôi thủy sản tập trung, nguồn cung cấp nước đầu vào cho các vùng nuôi thủy sản; thông tin kịp thời kết quả quan trắc để người sản xuất chủ động, xử lý các sự cố về môi trường và dịch bệnh.

- Nâng cao năng lực, kỹ năng phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường cho các tổ chức cá nhân.

2.3. Thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh

- Áp dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên thủy sản, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong các hoạt động thủy sản.

- Chuyển đổi mô hình thủy sản theo hướng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát triển sản xuất thủy sản hữu cơ, công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu, xây dựng và từng bước áp dụng mô hình doanh nghiệp/cơ sở/cụm làng nghề/tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản, chế biến, khai thác, kinh doanh thủy sản theo hướng sản xuất xanh, sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường; áp dụng các mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình sản xuất thủy sản hữu cơ, kết nối với truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

2.4. Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

- Bảo vệ môi trường, các hệ sinh thái của các loài thủy sản; lưu giữ, thả bổ sung các nguồn gen thủy sản nguy cấp, quý hiếm, đặc hữu, bản địa; tăng cường ngăn chặn khai thác thủy sản bất hợp pháp; kiểm soát chặt chẽ, ngăn chặn các loài thủy sản ngoại lai xâm hại.

- Kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động khai thác thủy sản bằng chất, hoá chất cấm, chất độc, chất nổ, xung điện, dòng điện, phương tiện, phương pháp khai thác có tính huỷ diệt, tận diệt, tiến đến ngăn chặn và chấm dứt hành vi khai thác thủy sản bằng các hình thức bị nghiêm cấm; vận động người dân tham gia đấu tranh, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật trong khai thác thủy sản.

2.5. Tăng cường kiểm tra, giám sát

Thực hiện kiểm tra, giám sát trách nhiệm quản lý của các địa phương đối với công tác bảo vệ môi trường; tăng cường giám sát cộng đồng; minh bạch hóa thông tin về môi trường, bảo vệ môi trường thông qua ứng dụng công nghệ thông tin.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí ngân sách nhà nước (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) bố trí theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Kinh phí lồng ghép từ trong các chương trình, đề án, dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2030 và kinh phí huy động, vận động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước, kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả.

- Là đầu mối chỉ đạo triển khai các nội dung của Kế hoạch, tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư công gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, báo cáo UBND tỉnh cân đối bố trí vốn đầu tư công trung hạn theo quy định để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Hằng năm, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch để tổng hợp chung trong dự toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán do các cơ quan, đơn vị xây dựng, căn cứ khả năng ngân sách và chế độ chính sách hiện hành, Sở Tài chính tham mưu, báo cáo UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư để thực hiện Kế hoạch theo quy định. Trong đó ưu tiên bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản của địa phương.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Cung cấp kịp thời kết quả quan trắc môi trường nước định kỳ tại các điểm quan trắc trong chương trình quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương để khuyến cáo người nuôi thủy sản có kế hoạch sản xuất phù hợp, hiệu quả.

- Phối hợp tăng cường cung cấp thông tin, tuyên truyền về các loài thủy sản ngoại lai xâm hại, các loài sinh vật biến đổi gen; đề xuất phương án ứng phó với biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường có thể tác động đến phát triển nuôi trồng thủy sản.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các nội dung, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao các công nghệ mới, công nghệ thân thiện với môi trường trong hoạt động thủy sản nhằm tăng năng suất, nâng cao giá trị sản phẩm và bảo vệ môi trường.

6. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, chỉ đạo xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

- Tuyên truyền, phổ biến, khuyến cáo người nuôi trồng thủy sản thực hiện các quy định về nuôi trồng thủy sản, nhằm giảm tác động xấu tới môi trường; thông báo kịp thời kết quả quan trắc môi trường và các hướng dẫn xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản của cơ quan chuyên môn; cung cấp thông tin về các loài thủy sản ngoại lai xâm hại, các loài sinh vật biến đổi gen để người nuôi trồng thủy sản lựa chọn đối tượng nuôi theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình nuôi trồng thủy sản tại địa phương, nhất là các khu vực nuôi trồng thủy sản tập trung nhằm phát hiện và phối hợp xử lý kịp thời các tình huống xảy ra trong nuôi trồng thủy sản.

- Hàng năm bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp).

Trên đây là Kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

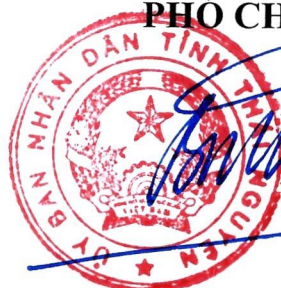
Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Thủy sản;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH.

Báchdtt, 23/6/2023, KH 1

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình